02 한글 익히기 Ⅱ

Tìm hiểu bộ chữ Hangeul Ⅱ

4 자음 1 Phụ âm 1

K-4

Tiếng Hàn có tổng số 19 phụ âm. Phụ âm được tạo ra bằng cách mô phỏng lại hình dáng của cơ quan phát âm. Âm 'ㄱ' mô phỏng lại hình dáng khi gốc lưỡi chặn ở cổ họng. Âm 'ㄴ' là hình ảnh mô phỏng khi lưỡi chạm vào lợi trên. Âm 'ㅁ' được tạo ra bằng cách mô phỏng lại hình dáng của miệng. Âm 'ㅅ' mô phỏng lại hình dáng của răng. Còn âm 'ㅇ' được tạo ra bằng cách mô phỏng lại hình dáng của cổ họng khi phát âm phụ âm này.

Nào, chúng ta cùng bắt đầu học từ các phụ âm sau nhé. Các bạn hãy nghe CD và tập đọc theo thứ tự.

자음 1 Phụ âm 1				
ㄱ [k/g]	ㄴ [n]	ㄷ [t/d]	ㄹ [r/l]	ㅁ [m]
ㅂ [p/b]	ㅅ [s/sh]	ㅇ [ŋ]	ㅈ [ts/dz]	ㅎ [h]

Các bạn đã đọc xong rồi chứ? Bây giờ hãy nghe lại một lần nữa rồi tập viết các phụ âm này nhé.

Phụ âm	Thứ tự	Chữ viết					
ㄱ [k/g]	① ㄱ						
ㄴ [n]	① ㄴ						
ㄷ [t/d]	① ② ㄷ						
ㄹ [r/l]	① ② ③ ㄹ						
ㅁ [m]	② ① ㅁ ③						
ㅂ [p/b]	③ ① ㅂ ② ④						
ㅅ [s/sh]	① ㅅ ②						
ㅇ [ŋ]	① ㅇ						
ㅈ [ts]	① ㅈ ②						
ㅎ [h]	① ② ㅎ ③						

Các bạn đã viết xong rồi chứ? Bây giờ các bạn hãy nghe lại các phụ âm này một lần nữa và tập phát âm theo nhé.

※ 'ㅇ' khi đứng ở vị trí phụ âm đầu thì không được phát âm, nhưng khi là phụ âm cuối thì được phát âm là [ŋ].

Trong tiếng Hàn, phụ âm luôn được viết cùng với nguyên âm. Khi viết cùng nguyên âm có nét sổ thẳng, ta viết phụ âm ở bên trái; khi viết cùng nguyên âm có nét xuyên ngang, ta viết phụ âm ở bên trên.

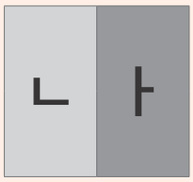

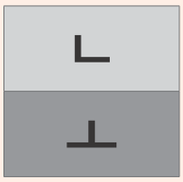

Bây giờ các bạn hãy nghe, đọc theo và tập viết phụ âm cùng nguyên âm nhé.

(1)	ㄱ	+	ㅏ	→	가	(6)	ㅂ	+	ㅗ	→	보
(2)	ㄴ			→		(7)	ㅅ			→	
(3)	ㄷ			→		(8)	ㅇ			→	
(4)	ㄹ			→		(9)	ㅈ			→	
(5)	ㅁ			→		(10)	ㅎ			→	

Bây giờ các bạn hãy tập viết phụ âm kết hợp với nguyên âm. Phụ âm viết ở bên trái nguyên âm có nét sổ thẳng và ở bên trên nguyên âm có nét xuyên ngang. Các bạn hãy nhìn mẫu và tập viết theo nhé. Bây giờ mời các bạn cùng nghe và tập đọc theo.

Nguyên âm / Phụ âm	ㅏ	ㅑ	ㅓ	ㅕ	ㅗ	ㅛ	ㅜ	ㅠ	ㅡ	ㅣ
ㄱ	가	갸	거	겨	고	교	구	규	그	기
ㄴ	나	냐	너	녀	노	뇨	누	뉴	느	니
ㄷ										
ㄹ										
ㅁ										
ㅂ										
ㅅ										
ㅇ										
ㅈ										
ㅎ										

Các bạn cùng nghe và tập đọc theo nhé. Trước hết, các bạn hãy tập phát âm trường hợp phụ âm kết hợp với nguyên âm đơn.

가　　고

※ ‘ㄱ’ khi viết cùng với nguyên âm có nét sổ thẳng và nguyên âm có nét xuyên ngang có hình dạng khác nhau. Các bạn hãy chú ý điều này nhé.

연습 Luyện tập

1. Các bạn hãy lần lượt đọc phát âm của từ dưới đây. Các bạn đã đọc xong rồi chứ? Bây giờ hãy nghe CD và khoanh tròn vào phát âm đúng. Hãy chú ý đến các phát âm sai, nghe lại một lần nữa và tập đọc theo.

(1) 가 다 마 사　(2) 바 나 라 자　(3) 후 주 수 부　(4) 로 도 노 고
(5) 너 러 저 허　(6) 규 류 슈 쥬　(7) 드 므 브 스　(8) 기 리 지 히

2. Hãy nghe và chọn từ đúng.

(1) 노래　모래　(2) 가수　다수　(3) 사요　자요
(4) 고리　도리　(5) 머리　허리　(6) 비누　부누

3. Hãy nghe và nhắc lại các từ sau.

(1) 가수
ca sĩ

(2) 아기
em bé

(3) 네모
hình vuông

(4) 다리
chân

(5) 소리
âm thanh

(6) 모자
mũ/ nón

(7) 아버지
bố

(8) 사자
sư tử

(9) 새우
tôm

4. Bây giờ các bạn hãy nghe và tập viết nhé.

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

Các bạn đã viết xong rồi chứ? Hãy nghe lại một lần nữa. Lần này các bạn hãy nghe và tập đọc theo. Hãy nhắc lại ba lần mỗi từ.

정답 2. (1) 노래 (2) 가수 (3) 자요 (4) 고리 (5) 허리 (6) 비누
4. (1) 고기 (2) 나무 (3) 도로 (4) 모자 (5) 버스 (6) 바지

5 자음 2 Phụ âm 2

K-5

Các phụ âm 'ㅋ, ㅌ, ㅍ, ㅊ' được tạo thành bằng cách thêm một nét vào các phụ âm 'ㄱ, ㄷ, ㅂ, ㅈ'. Trong đó 'ㅋ, ㅌ, ㅍ, ㅊ' là các phụ âm mạnh và chứa nhiều không khí hơn các âm 'ㄱ, ㄷ, ㅂ, ㅈ'. Khi phát âm các phụ âm này, các bạn phải đẩy mạnh luồng khí từ trong miệng ra ngoài.

Bây giờ, hãy nghe CD và đọc theo thứ tự nhé.

ㄱ [k/g]	→	ㅋ [k^h]
ㄷ [t/d]		ㅌ [t^h]
ㅂ [p/b]		ㅍ [p^h]
ㅈ [ts/dz]		ㅊ [ts^h]

Các bạn hãy luyện tập lại một lần nữa nhé.

(1) Hãy lần lượt đọc theo phụ âm 'ㄱ' và 'ㅋ'.
(2) Hãy lần lượt đọc theo phụ âm 'ㄷ' và 'ㅌ'.
(3) Hãy lần lượt đọc theo phụ âm 'ㅂ' và 'ㅍ'.
(4) Hãy lần lượt đọc theo phụ âm 'ㅈ' và 'ㅊ'.

Các bạn có cảm nhận được sự khác nhau về lượng không khí trong miệng phát ra không?

Bây giờ các bạn hãy nghe lại một lần nữa và tập viết các phụ âm nhé.

Phụ âm	Thứ tự	Chữ viết					
ㅋ [k^h]	① ② ㅋ						
ㅌ [t^h]	① ② ㅌ ③						
ㅍ [p^h]	① ② ㅍ ③ ④						
ㅊ [ts^h]	① ② ㅊ ③						

Các bạn đã viết xong rồi chứ? Bây giờ các bạn hãy nghe lại một lần nữa và tập đọc theo nhé.

Bây giờ chúng ta cùng tạo các chữ bằng cách kết hợp phụ âm bật hơi với nguyên âm nhé.

Các bạn hãy nghe, đọc theo và tập viết tổ hợp nguyên âm và phụ âm nghe được nhé.

(1)	ㅋ	+	ㅏ	→	카	(5)	ㅋ	+	ㅗ	→	코
(2)	ㅌ			→		(6)	ㅌ			→	
(3)	ㅍ			→		(7)	ㅍ			→	
(4)	ㅊ			→		(8)	ㅊ			→	

Bây giờ, các bạn hãy ghép với nguyên âm và tập viết nhé. Như tôi đã nói, phụ âm viết ở bên trái nguyên âm có nét sổ thẳng và viết ở bên trên nguyên âm có nét xuyên ngang. Các bạn hãy nhìn thật kĩ và tập viết theo nhé.

Nguyên âm / Phụ âm	ㅏ	ㅑ	ㅗ	ㅜ	ㅡ	ㅣ	ㅐ	ㅔ
ㅋ	카		코			키		
ㅌ		탸					태	
ㅍ			포		프			
ㅊ				추				

Các bạn đã viết xong rồi chứ? Bây giờ hãy nghe lại một lần nữa và tập đọc theo.

연습 Luyện tập

1. Các bạn hãy lần lượt đọc phát âm của các từ sau đây. Các bạn đã đọc xong rồi chứ? Bây giờ hãy nghe CD và khoanh tròn vào phát âm đúng. Hãy chú ý đến các phát âm sai, nghe lại một lần nữa và tập đọc theo.

(1) 차 카 타 파 (2) 초 코 토 포 (3) 쿠 투 푸 추 (4) 티 치 키 티

2. Hãy nghe và chọn từ đúng.

(1) 보도 포도 (2) 기자 기차 (3) 고 코
(4) 타요 다요 (5) 치마 지마 (6) 스키 수키

3. Hãy nghe các từ sau và tập đọc theo.

(1) 치마
váy

(2) 코
mũi

(3) 타조
đà điểu

(4) 포도
nho

(5) 카메라
máy ảnh

(6) 스키
trượt tuyết

(7) 커피
cà phê

(8) 기차
tàu hỏa
(xe lửa)

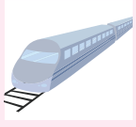

(9) 피아노
pi-a-nô

4. Còn bây giờ các bạn hãy nghe và tập viết nhé. Các bạn đã viết xong rồi chứ? Hãy nghe lại một lần nữa. Lần này các bạn hãy nghe và lặp lại ba lần nhé.

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

정답 2. (1) 포도 (2) 기차 (3) 코 (4) 타요 (5) 치마 (6) 스키
4. (1) 치즈 (2) 커피 (3) 기타 (4) 포크 (5) 고추 (6) 쿠키

6 자음 3 Phụ âm 3

K-6

Các phụ âm ‘ㄲ, ㄸ, ㅃ, ㅆ, ㅉ’ được tạo thành bằng cách ghép thêm cùng một chữ vào ‘ㄱ, ㄷ, ㅂ, ㅅ, ㅈ’. Khi phát âm ‘ㄲ, ㄸ, ㅃ, ㅆ, ㅉ’ các bạn phải dồn sức vào cổ họng và làm căng dây thanh quản.

Bây giờ, các bạn hãy nghe CD và tập đọc theo thứ tự nhé.

ㄱ [k/g]	→	ㄲ [k’]
ㄷ [t/d]		ㄸ [t’]
ㅂ [p/b]		ㅃ [p’]
ㅅ [s/sh]		ㅆ [s’]
ㅈ [ts/dz]		ㅉ [ts’]

Các bạn đã đọc xong hết rồi chứ? Bây giờ, các bạn hãy phân biệt các âm cơ bản ‘ㄱ, ㄷ, ㅂ, ㅅ, ㅈ’ với các âm ‘ㄲ, ㄸ, ㅃ, ㅆ, ㅉ’ nhé. Khi phát âm ‘ㄲ, ㄸ, ㅃ, ㅆ, ㅉ’, các bạn phải dùng nhiều sức hơn.

Khi phát âm từng phụ âm, các bạn hãy đặt bàn tay trước miệng để cảm nhận độ mạnh của làn hơi nhé.

(1) Bạn hãy phát âm lần lượt theo thứ tự ‘ㅋ’, ‘ㄱ’ và ‘ㄲ’.
(2) Bạn hãy phát âm lần lượt theo thứ tự ‘ㅌ’, ‘ㄷ’ và ‘ㄸ’.
(3) Bạn hãy phát âm lần lượt theo thứ tự ‘ㅍ’, ‘ㅂ’ và ‘ㅃ’.
(4) Bạn hãy phát âm lần lượt theo thứ tự ‘ㅅ’ và ‘ㅆ’.
(5) Bạn hãy phát âm lần lượt theo thứ tự ‘ㅊ’, ‘ㅈ’ và ‘ㅉ’.

Bây giờ hãy nghe một lần nữa và viết lại các phụ âm này nhé.

Phụ âm	Thứ tự	Chữ viết					
ㄲ [k']	①② ㄲ						
ㄸ [t']	①③ ② ㄸ ④						
ㅃ [p']	①② ③ ㅃ ⑦ ⑧ ④⑤⑥						
ㅆ [s']	① ③ ㅆ ② ④						
ㅉ [ts']	①③ ㅉ ② ④						

Các bạn đã viết xong chưa? Bây giờ hãy nghe lại cách phát âm các phụ âm này một lần nữa và tập đọc theo nhé.

Bây giờ các bạn hãy nghe, đọc theo và tập viết nguyên âm cùng với phụ âm nhé.

(1)	ㄲ	+	ㅏ	→	까	(6)	ㄲ	+	ㅗ	→	꼬
(2)	ㄸ			→		(7)	ㄸ			→	
(3)	ㅃ			→		(8)	ㅃ			→	
(4)	ㅆ			→		(9)	ㅆ			→	
(5)	ㅉ					(10)	ㅉ				

Lần này hãy kết hợp với nguyên âm và tập viết nhé.

Nguyên âm / Phụ âm	ㅏ	ㅓ	ㅗ	ㅜ	ㅡ	ㅣ	ㅐ	ㅔ
ㄲ	까							께
ㄸ		떠					때	
ㅃ			뽀			삐		
ㅆ		써			쓰			
ㅉ				쭈			째	

Các bạn đã viết xong rồi chứ? Hãy nghe lại một lần nữa và tập phát âm theo nhé.

연습 Luyện tập

1. Các bạn hãy lần lượt phát âm các từ sau đây.

(1) 까 따 빠 싸 짜 (2) 꼬 또 뽀 쏘 쪼 (3) 꾸 뚜 뿌 쑤 쭈 (4) 끼 띠 삐 씨 찌

2. Hãy nghe và chọn từ đúng.

(1) 가요 까요 (2) 차요 짜요 (3) 커요 꺼요
(4) 사요 싸요 (5) 부리 뿌리 (6) 아파요 바빠요

3. Hãy nghe các từ sau và tập đọc theo.

(1) **까치**
chim khách

(2) **어깨**
vai

(3) **귀뚜라미**
dế mèn

(4) **뿌리**
rễ cây

(5) **아저씨**
chú/ bác

(6) **찌개**
canh

4. Lần này, các bạn hãy nghe và tập viết nhé. Các bạn đã viết xong rồi chứ? Hãy nghe lại một lần nữa để kiểm tra xem có đúng không và tập đọc theo nhé.

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

정답 2. (1) 가요 (2) 짜요 (3) 커요 (4) 싸요 (5) 뿌리 (6) 아파요
4. (1) 꼬리 (2) 토끼 (3) 짜다 (4) 뿌리 (5) 어깨 (6) 쓰다

7 받침 Phụ âm cuối

K-7

Cũng giống như trong tiếng Anh, từ ‘thục nữ’ của tiếng Việt được viết thành hàng từ trái qua phải. Nhưng từ ‘thục nữ’ của tiếng Hàn thì phụ âm được viết bên dưới nguyên âm giống như ‘숙녀’. Tiếng Hàn gọi các phụ âm viết bên dưới nguyên âm là ‘patchim-phụ âm cuối’.

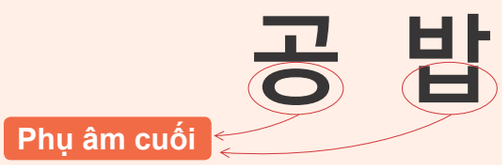

Trong số 19 phụ âm của tiếng Hàn, có 3 phụ âm không thể xuất hiện ở vị trí phụ âm cuối là ㄸ, ㅃ, ㅉ. Đồng thời, phụ âm cuối chỉ được phát âm thành 7 âm là ㄱ, ㄴ, ㄷ, ㄹ, ㅁ, ㅂ, ㅇ.

Chữ viết	Âm	Ví dụ
ㄴ	[n]	안 [an]
ㅁ	[m]	암 [am]
ㅇ	[ŋ]	앙 [aŋ]
ㄹ	[l]	알 [al]
ㅂ, ㅍ	[p]	압, 앞 [ap]
ㄱ, ㄲ, ㅋ	[k]	악, 앆, 앜 [ak]
ㄷ, ㅌ, ㅅ, ㅆ, ㅈ, ㅊ, ㅎ	[t]	안, 앝, 앗, 았, 앚, 앛, 앟 [at]

Bây giờ chúng ta cùng luyện phát âm các phụ âm cuối nhé. Các bạn hãy nghe và tập phát âm theo.

나 [na]	마 [ma]	응 [ωŋ]	라 [ra]	바 [pa]	가 [ka]	다 [ta]
은 [ωn]	음 [ωm]		을 [ωl]	읍 [ωp]	윽 [ωk]	읃 [ωt]

Các bạn thấy có khó không?

Trong tiếng Hàn có từ '밥'. Âm 'ㅂ' xuất hiện ở vị trí phụ âm đầu là âm bật hơi với luồng không khí đi từ phổi ra bên ngoài, phát âm gần giống với '브'. Nhưng âm 'ㅂ' xuất hiện ở vị trí phụ âm cuối không phải là âm bật hơi, không có luồng khí đi ra ngoài miệng, phát âm gần giống với '읍'. Như vậy, dù cùng là một phụ âm nhưng tùy thuộc vào vị trí mà phát âm của chúng khác nhau.

Các bạn hãy chú ý nghe một lần nữa và tập phát âm theo nhé.

N P	이	아
	ㅂ	ㄴ

Hãy nghe CD và tập phát âm theo thứ tự.

아 + ㄴ	안						
야 + ㅁ	얌						
어 + ㅇ	엉						
여 + ㅂ	엽						
이 + ㄱ	익						

Còn bây giờ các bạn hãy tập viết phụ âm cuối ở phía dưới âm tiết, kết hợp với một nguyên âm có nét xuyên ngang nhé. Các bạn đã viết xong hết rồi chứ? Bây giờ, hãy nghe CD và tập phát âm theo thứ tự.

N P	요	우
	ㅇ	ㄴ

오 + ㄴ	온							
요 + ㅁ	욤							
우 + ㅇ	웅							
유 + ㅂ	윱							
으 + ㄱ	윽							

Còn bây giờ, các bạn hãy luyện viết phụ âm cuối ở phía dưới âm tiết, kết hợp với phụ âm đầu và một nguyên âm có nét sổ thẳng nhé. Các bạn đã viết xong rồi chứ? Bây giờ hãy nghe CD và tập phát âm theo thứ tự.

PNP	ㅅ ㅏ	ㅈ ㅣ
	ㄴ	ㅂ

ㅅ + ㅏ + ㄴ	산							
ㅂ + ㅏ + ㅁ	밤							
ㅃ + ㅏ + ㅇ	빵							
ㅇ + ㅣ + ㅂ	입							
ㅇ + ㅑ + ㄱ	약							

PNP	ㄱ	ㅁ
	ㅗ	ㅜ
	ㅁ	ㄹ

Các bạn đã viết xong rồi chứ? Bây giờ, hãy nghe CD và tập phát âm theo thứ tự.

ㅅ + ㅗ + ㄴ	손						
ㅂ + ㅗ + ㅁ	봄						
ㄱ + ㅗ + ㅇ	공						
ㅈ + ㅡ + ㅂ	좁						
ㅁ + ㅗ + ㄱ	목						

Cũng có khi có hai phụ âm cùng xuất hiện ở vị trí của phụ âm cuối. Tuy nhiên, chúng ta chỉ phát âm một trong hai phụ âm đó.

갑
[kap]

Nào, bây giờ chúng ta cùng tập phát âm những từ dưới đây nhé. Các bạn hãy nghe CD và tập đọc theo thứ tự.

갑 [kap]	닭 [tak]	몫 [mok]		
삶다 [samt'a]	앉다 [ant'a]	넓다 [nʌlt'a]	맑다 [makt'a]	젊다 [tsʌmt'a]

Các bạn thấy thế nào? Có khó lắm không? Các bạn hãy chú ý đến các phát âm này và tập đọc theo một lần nữa nhé.

연습 Luyện tập

1. Hãy nghe các từ sau và chọn từ đúng.

(1) 곰 공 (2) 달 답 (3) 목 몸
(4) 방 발 (5) 삼 산 (6) 일 입

2. Hãy nghe các từ sau và tập phát âm theo.

(1) 눈 산 편지 (2) 밤 마음 몸무게
(3) 공 양 강아지 (4) 달 딸 일
(5) 집 잎 수업 (6) 국 밖 부엌
(7) 옷 낮 꽃 (8) 책 붓 아홉

3. Hãy nghe các từ sau và khoanh tròn vào phụ âm được phát âm.

(1) 닭 (ㄹ, ㄱ) (2) 몫 (ㄱ, ㅅ) (3) 값 (ㅂ, ㅅ)
(4) 앉다 (ㄴ, ㅈ) (5) 삶다 (ㄹ, ㅁ) (6) 젊다 (ㄹ, ㅁ)

정답 1. (1) 공 (2) 달 (3) 몸 (4) 방 (5) 산 (6) 입
3. (1) ㄱ (2) ㄱ (3) ㅂ (4) ㄴ (5) ㅁ (6) ㅁ

4. Hãy nghe và viết lại từ đã nghe bằng tiếng Hàn.

(1)				
(2)				
(3)				
(4)				
(5)				
(6)				
(7)				
(8)				
(9)				
(10)				
(11)				
(12)				
(13)				
(14) 3				

정답 (1) 옷 (2) 양 (3) 집 (4) 입 (5) 일 (6) 잎 (7) 책 (8) 밖 (9) 눈 (10) 산 (11) 꽃 (12) 별 (13) 말 (14) 삼

8 이어 읽기 Đọc nối âm

K-8

Nếu đằng sau phụ âm cuối là một nguyên âm thì phụ âm cuối sẽ được chuyển sang âm tiết sau, và được phát âm thành âm đầu của âm tiết đó.

밥 을 → 밥을	[바블]
먹 어 요 → 먹어요	[머거요]

Các bạn hãy nghe CD và tập phát âm theo nhé. Trường hợp có hai phụ âm cuối thì phụ âm trước sẽ được phát âm thành phụ âm cuối của âm tiết trước, phụ âm sau được phát âm thành phụ âm đầu của âm tiết sau. Phụ âm 'ㄹ' khi đọc luyến âm thành [r].

음악[으막]	한국어[한구거]	할아버지[하라버지]
집에[지베]	꽃이[꼬치]	이름이[이르미]
걸어요[거러요]	앉아요[안자요]	읽어요[일거요]

Các bạn hãy tập đọc lại một lần nữa nhé. Hãy nghe và kiểm tra xem mình có phát âm đúng hay không.

연습 Luyện tập

1. Hãy đọc các từ sau.

(1) 물이 (2) 문을 (3) 앞에
(4) 닫아요 (5) 싶어요 (6) 있어요
(7) 깎아요 (8) 읽어요 (9) 앉아요

2. Hãy đọc các câu sau.

(1) 물이 (2) 문을 (3) 앞에
(4) 닫아요 (5) 싶어요 (6) 있어요
(7) 깎아요 (8) 읽어요 (9) 앉아요

Hãy tạo và viết âm tiết từ nguyên âm và phụ âm.

Phụ âm \ Nguyên âm	ㅏ	ㅣ	ㅜ	ㅖ	ㅗ	ㅐ	ㅓ	ㅡ
ㄱ	가							
ㄴ		니						
ㄷ			두					
ㄹ				레				
ㅁ					모			
ㅂ						배		
ㅅ							서	
ㅇ								으
ㅈ								
ㅊ								
ㅋ								
ㅌ								
ㅍ								
ㅎ								
ㄲ								
ㄸ								
ㅃ								
ㅆ								
ㅉ								